TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 235/2026/DS-PT
Ngày: 27-3-2026
V/v "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Ông Nguyễn Văn Phi- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 37/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Trần Thị Diệu H**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền là bà **Hàng Thị N**, sinh năm 1958. (có mặt). Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn Luật sư **Nguyễn Thái T**

– Văn phòng L thuộc đoàn Luật sư thành phố C.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông **Lý Bình Đ**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số F N, phường S, thành phố Cần Thơ (nay là số C N, phường P, thành phố Cần Thơ).

* *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Võ Văn B và bà Trần Thị Diệu H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H trình bày:*

Ông B và bà H là vợ chồng. Ông B, bà H có thửa đất số 1230, tờ bản đồ số 03, diện tích 296,2m^2, tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ), (viết tắt là Thửa đất số 1230). Thửa đất số 1230 do ông B, bà H chuyển nhượng của ông V chiều ngang 7,5m, chiều dài 30m; chuyển nhượng của ông H2 chiều ngang 7,5m, chiều dài 11m vào năm 2015. Ông B, bà H làm thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 652376 ngày 15-10-2015. Ông B, bà H quản lý, sử dụng ổn định đến tháng 12-2023 phát hiện bà N1 xây hàng rào chiều ngang 0,6m phía trước, phía sau bà N1 xây hàng rào không đi được nên không xác định được diện tích lấn chiếm. Ông B, bà H gởi đơn đến Ủy ban nhân dân xã H giải quyết nhưng hòa giải không thành. Do đó, ông B, bà H khởi kiện yêu cầu bà N1 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 24m^2 thuộc thửa đất số 1230, tờ bản đồ 03, diện tích 296,2m^2 tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ).

* *Theo văn bản tường trình ý kiến ngày 18 tháng 3 năm 2024 của bị đơn bà Trần Thị N1, các lời khai trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp của bị đơn, ông Lý Bình Đ trình bày:*

Bà N1 là chị ruột của bà H, là chị vợ của ông B. Vào năm 2015, ông H2 chuyển nhượng cho bà N1 và vợ chồng ông B, bà H phần đất chiều ngang 15m, chiều dài 39m tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng với giá 150.000.000 đồng. Đến năm 2016, ông H2 tiếp tục chuyển nhượng phần đất mương giáp ranh phía sau với phần đất chuyển nhượng trước đây chiều ngang 15m, dài hết mương và 01 cái bờ với giá 60.000.000 đồng. Ông H2 đã giao đất, bà N1 và ông B, bà H đã trả đủ tiền cho ông H2 và nhận đất. Ông B làm thủ tục đăng ký và bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1231, tờ bản đồ 03, diện tích 296,2m^2 tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ). Sau đó, bà N1 xây dựng nhà ở kiên cố, làm hàng rào xung quanh bằng lưới B40, đến khi bà N1 xây dựng vách tường ranh đất giáp với phần đất của ông B, bà H thì

ông B, bà H không tháo dỡ chướng ngại ranh đất lấn qua đất của bà N1. Ngày 04-01-2024, bà N1 yêu cầu Tổ hòa giải ấp Xây Đá A hòa giải nhưng không thành. Ngày 18-01-2024, Ủy ban nhân dân xã H thành lập đoàn đo đạc đất tranh chấp, ông B chỉ ranh đất, tự cắm cọc phân ranh, tất cả thống nhất ký tên, mỗi bên đều có chiều ngang 6,9m. Sau đó, bà N1 xây dựng hàng rào giáp phần đất của ông B, bà H và ông B, bà H tự nguyện di dời vật lấn chiếm. Do đó, bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H vì bà N1 không có lấn chiếm đất của ông B, bà H.

** Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 23 tháng 7 năm 2025, ông Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Ông H2 và vợ chồng ông B, bà H và bà N1 không có quan hệ bà con thân tộc, sống gần nhau và không có mâu thuẫn với nhau. Vào khoảng năm 2014, 2015, gia đình ông H2 có sang bán cho vợ chồng ông B, bà H và bà N1 phần đất chiều ngang giáp Quốc lộ A là 15m (tính từ mé tường Chùa S chạy qua phần đất của gia đình ông H2), chiều dài là 30m (tính từ mé lộ vào) thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 03, tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, hai bên đã làm thủ tục tách thửa, phần đất của ai người đó sử dụng. Phần đất sang bán cho vợ chồng ông B, bà H và bà N1 thì ông H2 biết chia ra bên bà N1 được 7,5m ngang, dài hết đất; vợ chồng ông B, bà H được 7,5m ngang, dài hết đất. Quá trình sử dụng, bà N1 và vợ chồng ông B, bà H cắm ranh như thế nào ông H2 không biết, tranh chấp đất như thế nào ông H2 không biết. Từ sau khi sang bán đất cho vợ chồng ông B, bà H và bà N1 thì ông H2 không có sang bán, chuyển đổi phần đất nào cho bà N1. Phần đất còn lại giáp ranh với phần đất của bà N1 thì từ khi sang bán đất hai bên đã cắm trụ ranh, sử dụng ổn định cho đến nay, không có tranh chấp. Khi Tòa án đo đạc ông H2 có chứng kiến, chỉ đúng cọc ranh phần đất của ông H2 và bà N1.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ đã tuyên xử như sau:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N1 giao trả phần đất lấn chiếm đo đạc thực tế diện tích là 21,7m^2 thuộc thửa đất số 1230, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2025, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

* *Nguyên đơn ông B, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo*: yêu cầu nhận ½ phần đất đã đo đạc thực tế tại vị trí tranh chấp diện tích 21,7m^2

**Quan điểm của luật sư Nguyễn Thái T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Cơ sở nguyên đơn khởi kiện là khi nhận chuyển nhượng đất này hai bên đã xác định ranh giới giữa hai thửa đất; vị trí đất của ông B ổn định, còn phần đất của bà N1 bị thiếu có thể là do đổi đất với ông H2 liền kề với bà N1.

Đây là tranh chấp ranh đất nên phải xác định lại hình thể của các thửa đất nên yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để tiến hành đo đạc lại phần đất tranh chấp, do ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn chưa tiếp cận được lược đồ đo đạc. Hồ sơ khi cấp giấy diện tích ngang là 7,5m và bà N1 có ký ranh cho ông B. Hàng rào xây dựng sau tháng 7 năm 2023 khi các bên đang xảy ra tranh chấp. Đề nghị chia đôi mỗi bên nhận ½ phần đất đã đo đạc thực tế tại vị trí tranh chấp diện tích 21,7m^2 .

* *Đại diện bị đơn bà N1*: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H vì không có lấn chiếm đất của ông B, bà H. Hiện nay bà N1 đã xây hàng rào ổn định; ranh giới các thửa đất khi hòa giải năm 2023 chính do ông B chỉ ranh.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- *Xét kháng cáo của nguyên đơn:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận thấy:

Xét thấy phần đất của nguyên đơn và bị đơn điều có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông H2, ông V phần đất khi nhận chuyển nhượng cùng có nhiều ngang là 7,5m và cùng được cấp với tổng diện tích là 296,2m^2. Đến khi bị đơn xây dựng tường rào thì các bên mới phát sinh tranh chấp. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ xác định là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký. Qua đo đạc thực tế phần đất của nguyên đơn và bị đơn điều giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể phần đất bị đơn sử dụng ở thửa 1231 có diện tích là 233,4m^2 (giảm 62,8m^2) và phần đất nguyên đơn sử dụng ở thửa 1230 có diện tích 259,2m^2 (giảm 37m^2). Như vậy, nguyên đơn và bị đơn cùng được cấp giấy với diện tích 02 thửa liền kề đều là 296,2m^2. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế thì phần đất bị đơn giảm nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét hiện trạng phần đất tranh chấp qua sơ đồ đo đạc thực tế ngày 14/4/2025 cũng không có cơ sở cho rằng bị đơn lấn chiếm phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xem xét giải quyết vụ án theo hướng chia đôi phần đất tranh chấp nhưng bị đơn chấp nhận, nên không có cơ sở để xem xét. Việc yêu cầu xem xét, thẩm định lại của nguyên đơn cũng không làm thay đổi bản chất của việc tranh chấp nên cũng không có cơ sở để xem xét.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: giữ Y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất), bị đơn và phần đất tranh chấp có địa chỉ tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ), nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Toà án sau sáp nhập là Toà án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) theo quy định khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn ông Nguyễn Văn B1 và bà Trần Thị Diệu H có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo thấy rằng:

[2.1] Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 21,7m^2 thuộc thửa 1230, tờ bản đồ số 03, toạ lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ).

Nguyên đơn và bị đơn sử dụng phần đất liền kề nhau. Phần đất nguyên đơn sử dụng ở thửa 1230 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Quốc V và ông Nguyễn Văn H2 có chiều ngang 7,5m, dài 11m và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 652373 ngày 15/10/2025 diện tích 296,2m^2 (Trong đó có 40m^2 đất ở và 256,2m^2 đất trồng cây lâu năm).

Tương tự phần đất bị đơn sử dụng ở thửa 1231 cũng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H2, ông Huỳnh Quốc V và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 652377 ngày 15/10/2025 cùng có diện tích 296,2m^2 (Trong đó có 40m^2 đất ở và 256,2m^2 đất trồng cây lâu năm). Như vậy, nguyên đơn và bị đơn cùng nhận chuyển nhượng

phần đất của ông H2, ông V và phần đất được cấp giấy sau khi chuyển nhượng có diện tích như nhau.

[2.2] Quá trình sử dụng đất nguyên đơn cho rằng bị đơn xây dựng hàng rào lấn qua phần đất của nguyên đơn có chiều ngang 0,6m phía trước chạy dài ra phía sau và phần lấn phía sau thì không xác định được diện tích do bà N1 xây dựng hàng rào.

Xét thấy phần đất của nguyên đơn và bị đơn đều có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn H2 và ông Huỳnh Quốc V phần đất khi nhận chuyển nhượng cùng có nhiều ngang là 7,5m và cùng được cấp với tổng diện tích là 296,2m^2. Đến khi bị đơn xây dựng tường rào thì các bên mới phát sinh tranh chấp.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ xác định là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký.

[2.3] Qua đo đạc thực tế phần đất của nguyên đơn và bị đơn điều giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể phần đất bị đơn sử dụng ở thửa 1231 có diện tích là 233,4m^2 (giảm 62,8m^2) và phần đất nguyên đơn sử dụng ở thửa 1230 có diện tích 259,2m^2 (giảm 37m^2). Như vậy, nguyên đơn và bị đơn cùng được cấp giấy với diện tích 02 thửa liền kề là 296,2m^2. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế thì phần đất bị đơn giảm nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét hiện trạng phần đất tranh chấp qua sơ đồ đo đạc thực tế ngày 14/4/2025 của Cơ quan đo đạc thì phần đất tranh chấp thuộc thửa 1231 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Do đó không có cơ sở cho rằng bị đơn lấn chiếm phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo hướng chia đôi phần đất tranh chấp như đề nghị của bị đơn tại phiên toà sơ thẩm. Xét yêu cầu này của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, không được phía bị đơn chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4] Tại phiên toà phía nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để tiến hành đo đạc lại phần đất tranh chấp, do ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn chưa tiếp cận được lược đồ đo đạc. Xét yêu cầu này thì thấy rằng: quá trình đo đạc ở cấp sơ thẩm nguyên đơn có chứng kiến và chỉ ranh phần đất tranh chấp và khi Toà án hoà giải và công khai chứng cứ đã tạo điều kiện cho các bên tiếp cận chứng cứ ở giai đoạn sơ thẩm. Hơn nữa, việc đo đạc thẩm định lại sẽ kéo dài thời gian giải quyết vụ án, chi phí tố tụng và như phân tích ở trên thì việc nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm là không có cơ sở. Do đó không chấp nhận yêu cầu xem xét, thẩm định lại của nguyên đơn.

[5] Xét thấy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên quan điểm của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N1 trả phần đất lấn chiếm. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 46/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N1 giao trả phần đất lấn chiếm đo đạc thực tế diện tích là 21,7m^2 thuộc thửa đất số 1230, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H phải chịu chi phí tố tụng (chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) số tiền 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám nghìn đồng). Ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000809 ngày 23-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ). Ông Võ Văn B, bà Trần Thị Diệu H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Võ Văn B và bà Trần Thị Diệu H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003716 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2026).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Minh Trang